

04 CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HUẾ GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Theo Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 31/3/2026 của HĐND thành phố Huế)

1

Chính sách 1: Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật tại các điểm du lịch

Hỗ trợ đầu tư xây dựng, nâng cấp đường giao thông; cầu cảnh quan; hạ tầng cảnh quan du lịch; bến thuyền du lịch: Không quá 2,5 tỷ đồng/điểm du lịch.



2

Chính sách 2: Hỗ trợ đầu tư, phát triển du lịch cộng đồng

1. Hỗ trợ xây dựng phòng lưu trú tại cơ sở lưu trú trong dân (homestay) ở các điểm du lịch cộng đồng:

+ Hỗ trợ xây dựng mới: Không quá 40 triệu đồng cho 01 phòng, hỗ trợ tối đa 03 phòng/cơ sở.
+ Hỗ trợ cải tạo, sửa chữa: Không quá 20 triệu cho 01 phòng, hỗ trợ tối đa 03 phòng/cơ sở.

2. Hỗ trợ 30% kinh phí đóng mới thuyền, tối đa không quá 200 triệu đồng/thuyền. Mỗi đối tượng chỉ được hỗ trợ duy nhất 01 lần tính trên đầu chủ sở hữu.



3

Chính sách 3: Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực du lịch, xúc tiến quảng bá du lịch cộng đồng

1. Hỗ trợ 01 lớp đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực phục vụ du lịch: Tối đa không quá 50 triệu đồng/lớp.

2. Hỗ trợ xây dựng 01 bảng chỉ dẫn, thuyết minh điểm đến tại mỗi điểm du lịch: Tối đa không quá 50 triệu đồng.

3. Hỗ trợ xây dựng phim, clip, phóng sự, chuyên mục giới thiệu, quảng bá điểm du lịch cộng đồng: Không quá 50 triệu đồng/điểm du lịch.



4

Chính sách 4: Hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng, chỉnh trang cảnh quan du lịch cộng đồng

1. Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị để xây dựng và phát triển các sản phẩm, dịch vụ phục vụ khách du lịch: 70 triệu đồng cho 01 sản phẩm du lịch và tối đa không quá 300 triệu đồng/điểm du lịch cộng đồng trong giai đoạn 05 năm.

2. Hỗ trợ cải tạo, chỉnh trang cảnh quan tại các điểm du lịch cộng đồng: Tối đa không quá 50 triệu đồng/điểm du lịch cộng đồng.

3. Hỗ trợ đầu tư hệ thống thu gom, xử lý rác thải tại các điểm du lịch cộng đồng: Tối đa không quá 20 triệu đồng/điểm du lịch cộng đồng.

*Các cơ quan, đơn vị, cá nhân được hỗ trợ khi đáp ứng điều kiện, tiêu chí chung và điều kiện, tiêu chí tương ứng của từng nhóm chính sách quy định tại Nghị quyết.

ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH TÍN DỤNG ƯU ĐÃI THÔNG QUA CHỈ NHÁNH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI THÀNH PHỐ BẰNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HUẾ

(Theo Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND ngày 31/3/2026 của HĐND thành phố Huế)

1



Người chấp hành xong án phạt tù theo Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg về tin dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù.

2



Người chấp hành xong án phạt tù theo Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg về tin dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù.

3



Người có đất thu hồi theo Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi.

4



Các đối tượng vay vốn để hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm; cho vay hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo Nghị định số 338/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm.

5



Các đối tượng vay vốn để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân; xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở theo Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 và Nghị định số 100/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

6



Học sinh, sinh viên, học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán theo Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg về tin dụng đối với học sinh, sinh viên, học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán.

7



Hộ gia đình cư trú tại vùng nông thôn nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú theo Quyết định số 10/2024/QĐ-TTg về tin dụng thực hiện cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

8



Hộ gia đình cư trú tại vùng đô thị nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú chưa có công trình cấp nước, công trình vệ sinh hộ gia đình hoặc đã có nhưng bị hư hỏng cần phải xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa.

9



Hộ gia đình đã được phê duyệt đủ điều kiện hỗ trợ nhà ở theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP đã thoát nghèo nhưng chưa được vay vốn hỗ trợ nhà ở.

Trường hợp Chính phủ hỗ trợ giảm lãi suất cho vay do thiên tai, dịch bệnh hoặc nguyên nhân khách quan khác thì lãi suất cho vay từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội sẽ được giảm tương ứng như mức giảm lãi suất cho vay theo quy định của Chính phủ.

SỬA ĐỔI MỘT SỐ NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI CHO CÔNG TÁC Y TẾ - DÂN SỐ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HUẾ GIAI ĐOẠN 2023 - 2025

(Theo Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 31/3/2026 của HĐND thành phố Huế)

01 Chi hỗ trợ cán bộ y tế xã, phường trực tiếp khám và đưa bệnh nhân lao tới các cơ sở y tế công lập trên địa bàn thành phố Huế:

Tại xã đặc biệt khó khăn
50.000 đồng/xã/tháng

Tại xã, phường còn lại
30.000 đồng/xã/tháng



02 Hỗ trợ chi phí đi lại của đối tượng người tự nguyện triệt sản, người được cấp phương tiện tránh thai miễn phí bị tai biến theo chuyên môn y tế đến kiểm tra tình hình bệnh tại các cơ sở y tế công lập trên địa bàn thành phố theo chỉ định của bác sĩ sau khi khám, sàng lọc phát hiện tại cộng đồng (một lượt đi và về):

0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm thực hiện hoạt động.



* Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày

10 tháng 4 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026



MỨC GIÁ TỐI ĐA DỊCH VỤ RA, VÀO BẾN XE Ô TÔ ĐỐI VỚI XE Ô TÔ VẬN CHUYỂN HÀNH KHÁCH THEO TUYẾN CỐ ĐỊNH, XE BUÝT THEO TỪNG LOẠI BẾN XE Ô TÔ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HUẾ

(theo Quyết định số 1016/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế)



LOẠI DỊCH VỤ	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC GIÁ		
		Bến xe loại 1	Bến xe loại 3	Bến xe loại 4
Tuyến nội tỉnh dưới 40km	Đồng/ ghế xe/ lượt	1.500	1.260	1.140
Tuyến liên tỉnh liên kế từ 60km đến dưới 100km	Đồng/ ghế xe/ lượt	2.500	2.100	1.900
Tuyến quốc tế trên 600km	Đồng/ ghế xe/ lượt	7.500	6.300	5.700
Xe buýt công cộng (không trợ giá)	Đồng/ ghế xe/ lượt	12.000	10.080	9.120
Xe buýt liên tỉnh liên kế	Đồng/ ghế xe/ lượt	3.000	2.520	2.280

Giá dịch vụ ra, vào bến xe ô tô này là mức giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và thu theo số lượng ghế xe được ghi trong giấy Chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện.

Mức giá tối đa dịch vụ ra, vào bến xe ô tô đối với từng cự ly cụ thể để nghị quét mã QR sau đây



GIÁ TỐI ĐA DỊCH VỤ SỬ DỤNG BẾN THUYỀN DU LỊCH ĐƯỢC ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HUẾ

(theo Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế)



Mức giá tối đa dịch vụ sử dụng bến thuyền du lịch được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Huế, như sau:

 LOẠI PHƯƠNG TIỆN	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC GIÁ	
		Bến loại 1 	Bến loại 2 
 Phương tiện có trọng tải dưới 20 khách	Đồng/ lượt/phương tiện	33.000	20.000
 Phương tiện có trọng tải từ 20 khách trở lên	Đồng/ lượt/phương tiện	50.000	33.000

Giá tối đa dịch vụ sử dụng bến thuyền du lịch quy định tại khoản 1 Điều này là mức giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng



MỨC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI MỘT SỐ HÀNH VI TRONG LĨNH VỰC GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

(theo Nghị định 81/2026/NĐ-CP ngày 19/3/2026 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường sắt)

1 Hành vi vượt rào chắn đường ngang, cầu chung khi chắn đã đóng; vượt qua đường ngang khi đèn đỏ đã bật sáng

- Đối với người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy: **Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng**
- Đối với người điều khiển máy kéo, xe máy chuyên dùng: **Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng**
- Đối với người điều khiển xe ô tô, các loại xe tương tự xe ô tô: **Phạt tiền từ 18.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng**

Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm còn bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng.

2 Hành vi vi phạm quy định về sử dụng, khai thác trong phạm vi đất dành cho đường sắt

- Chân thả súc vật trên đường sắt: **Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với cá nhân, từ 600.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức**
- Dựng lều, quán trái phép trong phạm vi đất dành cho đường sắt hoặc bán hàng hóa, họp chợ trên đường sắt: **Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức. Đồng thời buộc phá dỡ, di chuyển lều, quán dựng trái phép ra khỏi phạm vi đất dành cho đường sắt.**

4 Hành vi ném gạch, đất, đá, cát hoặc các vật thể khác vào tàu

Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng.

3 Hành vi tự mở lối đi qua đường sắt

Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức. Đồng thời buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra.